

Thang đo sức mạnh thị trường



06 Tháng Năm 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,250.57	-0.47	0.86	59.80
HNX	281.09	0.06	-3.63	163.54
UPCOM	81.18	0.65	-1.72	55.10
MSCI EM	1,333.05	-0.15	-1.03	48.33
NIKKEI	29,331.37	1.80	-1.75	49.50
HANG SENG	28,589.90	0.60	-1.21	18.45
KOSPI	3,178.74	1.00	1.86	67.71
FTSE	7,053.74	0.21	3.37	20.50
S&P 500	4,167.59	0.07	2.30	46.31
NASDAQ	13,582.42	-0.37	-0.85	53.40

Nhận định thị trường

Lo ngại trước diễn biến của dịch Covid-19, VN-Index giảm gần 6 điểm

Sau 2 phiên tăng tốt VN-Index chịu áp lực chốt lãi, kéo chỉ số giảm nhẹ đầu phiên nhưng sau đó thị trường đã trở nên cân bằng và trở lại trạng thái tăng điểm. Trong phiên sáng, VN-Index đã chạm mức cao nhất trong ngày tại 1.261,49 với mức tăng hơn 5 điểm. Chốt phiên sáng trong trạng thái khá tích cực tuy nhiên thị trường trong phiên chiều đã bất ngờ chịu áp lực bán mạnh khi thông tin Covid-19 xuất hiện trong giờ nghỉ trưa. Chỉ số đã rơi vào trạng thái giảm điểm trong cả phiên chiều và chốt phiên tại mức 1.250,57, giảm 5,86 điểm (-0,47%).

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.30	2.53	14.82
SET INDEX	38.40	1.70	4.43
JCI INDEX	28.11	1.51	4.63
PCOMP INDEX	26.63	1.55	6.11

Các cổ phiếu trụ như VCB, VNM, VHM, VIC đã trở thành tội đồ của VN-Index hôm nay, 4 mã trên đã kéo chỉ số giảm gần 5 điểm. Trong khi đó chiều ngược lại các mã ngân hàng khác như TCB, VIB, VPB đã giúp VN-Index tăng 2,8 điểm, NVL là bluechip khác trong nhóm hỗ trợ chỉ số khi giúp VN-Index tăng 0,77 điểm.

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.16	0	1	-100
10 năm	2.37	0	-2	-69

Khối ngoại trong tiếp tục có phiên bán ròng mạnh với giá trị bán ròng vượt 1.100 tỷ đồng. Các cổ phiếu VPB, VNM, HPG và KBC lần lượt là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với giá trị lần lượt là 311 tỷ đồng, 287 tỷ đồng, 229 tỷ đồng và 102 tỷ đồng. Chiều mua ròng, STB dẫn đầu danh sách mua ròng với giá trị 118 tỷ đồng

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,064	-0.05	0.07	1.51
US\$/KRW	1,126	-0.28	-0.54	8.55
US\$/JPY	109	-0.12	0.38	-2.94
US\$/EUR	0.83	-0.16	-1.24	-10.23
US\$/GBP	0.72	0.03	-0.58	-11.21
US\$/SGD	1.34	-0.07	0.19	6.30

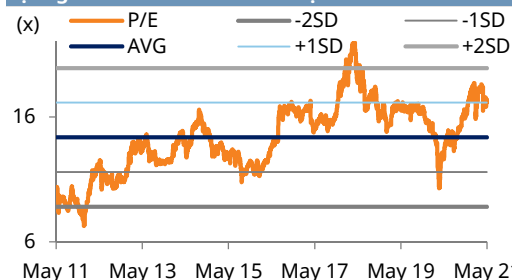
Trước phiên giảm điểm hôm nay, VN-Index đã có chuỗi tăng điểm liên tục 5 phiên với mức tăng trên 40 điểm do đó việc xuất hiện phiên điều chỉnh như hôm nay vẫn chưa ảnh hưởng nhiều đến xu hướng tăng ngắn hạn. Mức hỗ trợ chúng tôi lưu ý là vùng 1.240 nơi hội tụ đường MA 10 và MA 20 ngày, nếu duy trì được mức hỗ trợ này VN-Index sẽ duy trì xu hướng kiểm định mức 1.286 điểm. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index đang ở mức **+2 (TRUNG TÍNH)**.

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	815	748	389
HNX	102	114	51
UPCOM	38	41	24

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-1	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

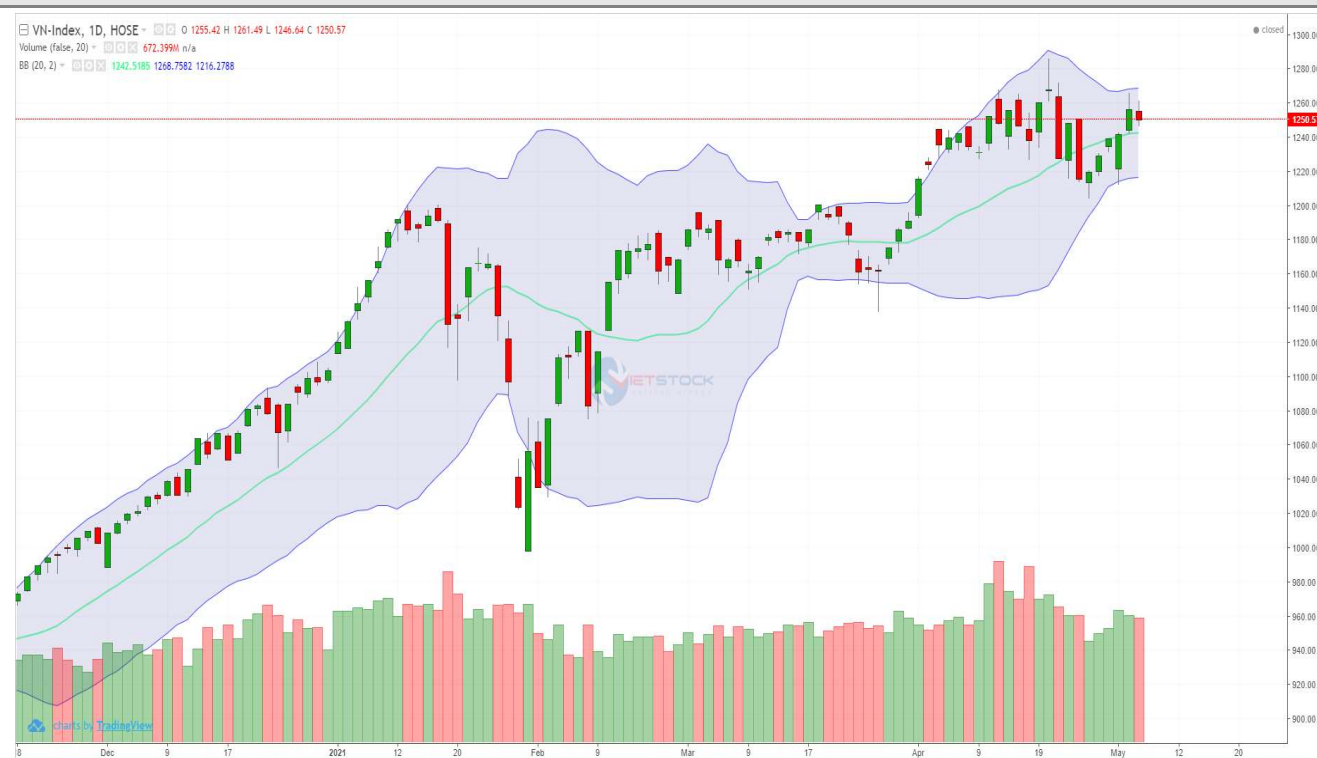
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (06/05/2021)	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.240
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.200

Ngưỡng 1.240 là hỗ trợ quan trọng cho xu hướng tăng điểm ngắn hạn.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

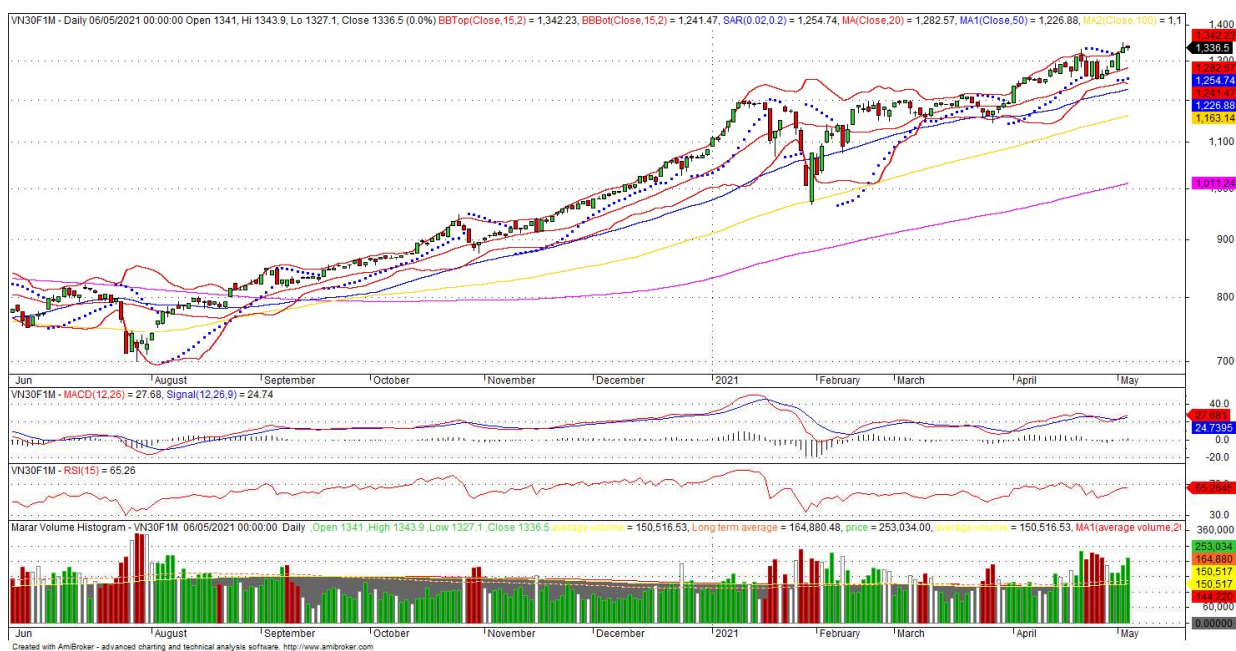
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (06/05/2021)	1.336	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.400
VN30 - đóng cửa	1.346	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-10,99	Hỗ trợ 2	1.100

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	5	KHẢ QUAN

VN30F1M thu hẹp khoảng cách với vn30 xuống mức hơn 8 điểm và đang giao dịch ở quanh vùng giá lịch sử

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.85	5,103,895	-7	TIÊU CỰC	3,515	11.3	1.0
ACB	34.8	8,248,360	6	KHẢ QUAN	75,222	8.7	2.0
AMD	7.01	12,131,675	-2	TRUNG TÍNH	1,146	46.6	0.6
ART	9.2	7,966,785	-2	TRUNG TÍNH	892	34.1	0.8
ASM	13.55	2,466,860	-6	TIÊU CỰC	3,508	7.7	0.8
BID	41.25	3,178,060	-2	TRUNG TÍNH	165,908	20.1	2.1
BSR	15.4	12,220,685	0	TRUNG TÍNH	47,748	#N/A N/A	1.5
BVH	56	1,008,980	-4	TIÊU CỰC	41,570	22.0	2.1
CEO	9.8	5,777,040	-4	TIÊU CỰC	2,522	#N/A N/A	0.9
CII	20.3	2,302,495	-2	TRUNG TÍNH	4,848	361.9	1.0
CTD	62.5	594,395	-4	TIÊU CỰC	4,643	18.6	0.6
CTG	42.9	16,354,375	4	KHẢ QUAN	159,734	9.0	1.8
CTR	83	478,515	0	TRUNG TÍNH	5,958	21.3	5.6
DBC	57.2	1,733,585	2	TRUNG TÍNH	5,992	4.1	1.3
DCM	16.05	2,737,725	-2	TRUNG TÍNH	8,497	14.3	1.3
DGC	75.7	732,380	7	KHẢ QUAN	11,262	12.0	2.7
DGW	117.4	300,490	0	TRUNG TÍNH	5,048	15.3	4.0
DIG	27.8	3,776,925	-2	TRUNG TÍNH	9,641	12.7	2.0
DLG	3.15	14,123,450	-6	TIÊU CỰC	943	#N/A N/A	0.4
DRC	27	1,174,490	2	TRUNG TÍNH	3,207	11.4	1.8
DXG	23.3	7,690,660	-4	TIÊU CỰC	12,076	#N/A N/A	1.8
EIB	25.8	1,530,000	-4	TIÊU CỰC	31,719	36.2	1.9
FIT	10.4	4,583,830	-4	TIÊU CỰC	2,649	38.9	0.9
FLC	11.3	34,275,820	-4	TIÊU CỰC	8,023	5.8	0.8
FPT	82.7	2,299,300	2	TRUNG TÍNH	65,260	17.5	3.9
FRT	27.6	1,456,010	-2	TRUNG TÍNH	2,180	116.0	1.8
GAS	84.9	941,700	2	TRUNG TÍNH	162,494	21.5	3.2
GEX	26.55	6,963,250	-2	TRUNG TÍNH	12,963	12.6	1.8
GMD	34.65	2,392,130	4	KHẢ QUAN	10,443	27.8	1.7
GVR	25.3	3,118,800	0	TRUNG TÍNH	101,200	23.2	2.1
HAG	5.36	12,168,805	-4	TIÊU CỰC	4,971	#N/A N/A	1.1
HAH	26.2	1,213,975	4	KHẢ QUAN	1,242	9.6	1.2
HAI	4.94	8,612,195	-6	TIÊU CỰC	902	98.0	0.4
HBC	15.95	5,791,870	-2	TRUNG TÍNH	3,682	41.6	1.0
HCM	31.8	3,892,485	-2	TRUNG TÍNH	9,700	12.9	2.0
HDB	28.8	5,237,465	6	KHẢ QUAN	45,900	9.3	1.9
HDG	41.2	968,375	4	KHẢ QUAN	6,356	5.8	1.9
HHS	6.8	4,877,695	-2	TRUNG TÍNH	1,868	6.9	0.5
HNG	11.1	13,742,390	-7	TIÊU CỰC	12,305	472.8	1.4
HPG	59.4	25,123,456	6	KHẢ QUAN	196,809	10.8	3.0
HPX	34.2	975,220	4	KHẢ QUAN	9,046	83.8	2.8
HQC	3.54	26,433,456	-7	TIÊU CỰC	1,687	236.7	0.4
HSG	34.9	11,312,580	7	KHẢ QUAN	15,517	6.6	1.9
HUT	6.1	6,285,140	-2	TRUNG TÍNH	1,639	#N/A N/A	0.6
IDC	34	2,932,320	-2	TRUNG TÍNH	10,200	33.5	2.8
IJC	27.4	2,972,840	3	TRUNG TÍNH	5,948	9.0	1.8
ITA	7.47	20,721,364	-2	TRUNG TÍNH	7,009	33.7	0.6
KBC	37.6	5,165,765	-2	TRUNG TÍNH	17,663	22.9	1.7
KDC	51.2	1,110,850	-4	TIÊU CỰC	11,712	38.1	2.0
KDH	36.45	4,345,570	6	KHẢ QUAN	20,368	17.0	2.4
KLF	5.2	14,357,265	-6	TIÊU CỰC	860	#N/A N/A	0.5
KSB	28.6	1,423,680	4	KHẢ QUAN	1,906	7.6	1.2

LCG	13.95	2,779,730	4	KHẢ QUAN	1,608	4.5	0.9
LDG	7.51	8,676,875	-4	TIÊU CỰC	1,798	163.3	0.6
LPB	20.8	15,460,410	0	TRUNG TÍNH	22,352	9.9	1.5
MBB	31.6	18,686,104	6	KHẢ QUAN	88,441	8.7	1.7
MBS	23.8	1,623,120	-2	TRUNG TÍNH	3,911	11.4	1.8
MSN	95.6	2,984,535	-6	TIÊU CỰC	112,300	74.6	6.9
MWG	142	1,058,085	2	TRUNG TÍNH	67,511	15.7	3.9
NKG	28.1	4,790,620	7	KHẢ QUAN	4,833	8.5	1.4
NLG	38.4	2,048,310	6	KHẢ QUAN	10,954	9.6	1.7
NVB	16.8	5,716,625	-7	TIÊU CỰC	6,834	5,638.9	1.6
NVL	135.7	2,890,705	3	TRUNG TÍNH	145,838	32.4	4.6
PDR	71.8	3,688,070	0	TRUNG TÍNH	34,950	26.6	6.6
PET	21.05	1,854,080	2	TRUNG TÍNH	1,759	11.4	1.1
PHR	51.2	639,355	-4	TIÊU CỰC	6,938	7.2	2.2
PLX	50.8	1,349,540	2	TRUNG TÍNH	63,186	17.4	2.7
PNJ	96	670,905	0	TRUNG TÍNH	21,827	19.3	3.8
POW	12.3	15,042,750	-2	TRUNG TÍNH	28,805	11.9	1.0
PVD	20.1	5,865,780	0	TRUNG TÍNH	8,465	130.7	0.6
PVS	21.1	9,438,305	0	TRUNG TÍNH	10,085	16.2	0.8
PVT	16.8	3,139,955	-2	TRUNG TÍNH	5,437	7.4	1.1
REE	55.1	592,625	7	KHẢ QUAN	17,029	9.5	1.4
ROS	6.57	42,833,808	-6	TIÊU CỰC	3,729	205.0	0.6
S99	23.2	1,725,450	-2	TRUNG TÍNH	1,216	6.7	1.5
SBT	19.85	2,840,740	-4	TIÊU CỰC	12,251	17.6	1.5
SCR	8.29	6,427,530	-2	TRUNG TÍNH	3,037	17.2	0.7
SHB	24.5	20,286,504	-2	TRUNG TÍNH	47,176	14.1	1.8
SHS	27.8	8,643,170	-2	TRUNG TÍNH	5,762	5.9	1.5
SSI	32.85	13,092,970	-2	TRUNG TÍNH	21,217	11.8	1.9
STB	24.4	41,718,300	4	KHẢ QUAN	44,009	16.3	1.5
TCB	47.1	14,000,445	7	KHẢ QUAN	165,081	11.6	2.1
TCH	22.7	7,423,370	-2	TRUNG TÍNH	8,500	8.9	1.6
TLH	16.35	2,750,435	2	TRUNG TÍNH	1,646	21.6	1.0
TNG	21	2,040,705	-6	TIÊU CỰC	1,670	11.2	1.4
TPB	28.15	5,270,975	0	TRUNG TÍNH	29,041	7.4	1.6
TSC	11.5	3,448,115	4	KHẢ QUAN	1,698	100.9	1.1
TTF	7.08	8,152,060	-4	TIÊU CỰC	2,203	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	99.3	2,084,590	-4	TIÊU CỰC	368,292	17.4	3.6
VCI	63.8	1,506,350	2	TRUNG TÍNH	10,565	11.2	2.2
VHM	98.7	5,613,665	-5	TIÊU CỰC	324,675	12.5	3.6
VIB	58.5	984,260	5	KHẢ QUAN	64,899	12.4	3.4
VIC	132.5	2,578,565	-6	TIÊU CỰC	448,172	60.9	5.6
VIX	30.25	7,930,945	-2	TRUNG TÍNH	3,863	5.8	1.9
VJC	122	538,840	-7	TIÊU CỰC	66,077	54.1	4.4
VND	38.4	7,370,500	2	TRUNG TÍNH	8,237	7.1	1.8
VNM	89.6	4,357,065	-7	TIÊU CỰC	187,260	19.1	6.0
VPB	61.8	14,221,765	5	KHẢ QUAN	151,703	13.4	2.7
VPI	35	1,237,480	-7	TIÊU CỰC	7,000	23.0	2.5
VRE	31.2	7,526,385	-6	TIÊU CỰC	70,896	26.5	2.4

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Mỹ mong sớm cùng Trung Quốc đánh giá thỏa thuận giai đoạn một

Tại một sự kiện trực tuyến của hãng tin Financial Times, Đại diện Thương mại Mỹ Katherine Tai khẳng định bà mong muốn tiếp tục chính sách thương mại Mỹ - Trung, bao gồm cả thỏa thuận thương mại giai đoạn một do chính quyền cựu Tổng thống Trump ký kết đầu năm ngoái.

"Chúng tôi sẽ phát triển chiến lược từ thỏa thuận thương mại giai đoạn một đang có", bà Tai chia sẻ.

"Tôi rất mong được chính thức gặp gỡ những người đồng cấp Trung Quốc để đánh giá hiệu quả thực hiện thỏa thuận cũng như để thúc đẩy lợi ích của nước Mỹ và xây dựng chiến lược hành động trong tương lai", bà Tai tiếp tục.

Theo Reuters, Đại diện Thương mại Mỹ chưa nhận được bất kỳ liên hệ chính thức nào từ Phó Thủ tướng Trung Quốc Lưu Hạc - người giúp Bắc Kinh đàm phán thỏa thuận giai đoạn một, hay từ bất kỳ quan chức cấp cao nào trong chính phủ Trung Quốc. Song, "trong tương lai gần", bà Tai hy vọng Trung Quốc sẽ sớm liên lạc.

Chính thức áp thuế CBPG nhôm Trung Quốc từ 4,39% đến 35,58%

Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) cho biết ngày 20/4, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1282/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) một số sản phẩm nhôm có xuất xứ từ Trung Quốc.

Theo đó, áp dụng thuế bán phá giá đối với một số sản phẩm nhôm, hợp kim nhôm hoặc không hợp kim ở dạng thanh, que và hình đã được đùn ép, đã hoặc chưa xử lý bề mặt, đã hoặc chưa được gia công thêm nhập khẩu vào Việt Nam và được phân loại theo mã HS 7604.10.110, 7604.10.90, 7604.21.90, 7604.29.10, 7604.29.90 có xuất xứ từ Trung Quốc trên cơ sở kết quả rà soát lần thứ nhất (mã vụ việc AR01.AD05).

Quyết định này thay thế Quyết định số 2942/QĐ-BCT ngày 28/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp CBPG chính thức đối với một số sản phẩm nhôm có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Theo Quyết định 1282/QĐ-BCT, các nhà sản xuất, xuất khẩu bị áp dụng biện pháp CBPG với mức thuế CBPG từ 4,39 - 35,58%.

Dệt may, da giày lấy lại đà tăng trưởng trong 4 tháng đầu năm

Theo số liệu của Bộ Công Thương 4 tháng đầu năm 2021 kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc ước đạt 9,51 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ; kim ngạch xuất khẩu xơ, sợi dệt các loại tăng 43,4%; kim ngạch xuất khẩu vải màn, vải kỹ thuật khác tăng 35,7%.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu giày, dép các loại ước đạt 6,4 tỷ USD, tăng 18,7% so với cùng kỳ.

Bộ Công Thương cho rằng ngành dệt may, da giày trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021 đã có nhiều tín hiệu khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm trước khi một số thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam dần hồi phục và tận dụng tốt cơ hội từ các Hiệp định FTAs đã ký kết và đi vào thực thi.

Chỉ số sản xuất ngành dệt tháng 4 tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2020; ngành sản xuất trang phục lần lượt tăng 3,9% và 29,4%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 1,8% và 29,3%.

Tính chung 4 tháng, chỉ số sản xuất ngành dệt tăng 7,8% so với cùng kỳ; ngành sản xuất trang phục tăng 9,5%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11%.

'Bảo giá' vật liệu xây dựng: Nhiều nhà thầu trúng thầu nhưng không dám ký hợp đồng

Chiều ngày 5/5, Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau đã có buổi làm việc với các nhà thầu trên địa bàn tỉnh liên quan đến việc giá vật liệu xây dựng leo thang gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Trước đó, đại diện 40 nhà thầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau đã cùng ký tên, gửi đơn xin cầu cứu đến UBND tỉnh và 9 sở, ban ngành có liên quan về việc điều chỉnh giá vật liệu xây dựng và đơn giá nhân công sát đúng với giá thực tế, đảm bảo quyền lợi của các doanh nghiệp đang thi công công trình.

Trong đơn kiến nghị, đại diện các nhà thầu cho biết nguồn cung hiện nay không đủ nhu cầu để thi công công trình, làm cho các nhà thầu trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn trong thời gian. Trong khi đó, giá một số vật liệu đã tăng rất cao.

"Ngoài thị trường, giá đã tăng lên ào ào quá cao, ví dụ như giá cát tăng gấp 2,5 lần hoặc 3 lần so với giá dự toán, sắt thép và xăng dầu cũng tăng gần gấp đôi, cấp phối đá dăm tăng gần gấp rưỡi,...", các nhà thầu thông tin.

Thêm 5 dự án FDI đổ bộ vào các KCN Vĩnh Phúc

Theo Báo Vĩnh Phúc, tháng 4/2021, Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT) mới cho 6 dự án, trong đó có 5 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký 8,57 triệu USD; một dự án DDI với tổng vốn đầu tư đăng ký 1.520 tỷ đồng.

Đồng thời, đơn vị đã thực hiện cấp GCNĐKĐT điều chỉnh tăng vốn cho 5 lượt dự án (4 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký tăng thêm 8,54 triệu USD và một dự án DDI với tổng vốn đầu tư đăng ký tăng thêm 7 tỷ đồng).

Tính đến ngày 15/4, số dự án còn hiệu lực đầu tư trong các KCN là 387 dự án, gồm 67 dự án DDI với tổng vốn đầu tư hơn 16.111 tỷ đồng và 320 dự án FDI với tổng vốn đầu tư hơn 4.571 triệu USD.

Trong đó, có 323 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh, chiếm 83% tổng số dự án; 18 dự án đang triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị nhà xưởng, chiếm 4,7% tổng số dự án; 41 dự án mới cấp và đang làm các thủ tục triển khai dự án, chiếm 11% tổng số dự án; 5 dự án FDI thuộc diện giãn tiến độ, đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, chiếm 1,3% tổng số dự án.

Thủ tướng đã duyệt gói hỗ trợ lần 2 trị giá 115.000 tỷ, có mở rộng đối tượng được hưởng

Tại họp báo Chính phủ thường kỳ chiều 5/5, trả lời câu hỏi về gói hỗ trợ lần hai cho doanh nghiệp và người lao động, Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP Trần Văn Sơn cho biết: "Năm 2020 là gói hỗ trợ là 62.000 tỷ đồng. Năm nay, chúng ta có Nghị định 52 gia hạn tiền nộp thuế. Đây là một gói hỗ trợ 115.000 tỷ và Thủ tướng đã ký".

Thông tin thêm về gói hỗ trợ này, ông Trần Quốc Phương, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) cho hay đây là tập hợp các giải pháp của các ngành, các lĩnh vực khác nhau để hướng tới một mục tiêu chung là hỗ trợ nền kinh tế vượt qua khó khăn của đại dịch COVID-19.

Thứ trưởng Trần Quốc Phương nhắc lại năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 01 về cơ cấu lại, miễn giảm lãi, phí...

Năm nay, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 03 sửa đổi một số điều của Thông tư 01 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Liên quan đến lĩnh vực tài chính, năm 2020, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan trình Chính phủ ban hành Kế hoạch số 41 gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất.

"Đến nay, sau khi rà soát, đánh giá nội dung, Bộ Tài chính cũng đã trình Chính phủ để ban hành Nghị định số 52 (19/4/2021) tiếp tục gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế đất năm 2021... trong đó có lộ trình chung, đặc biệt là mở rộng về đối tượng", Thứ trưởng thông tin.

Quỹ 2 tỷ USD của Dragon Capital tăng mạnh tỷ trọng VPB và NVL vào cuối tháng 4

Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL), quỹ lớn nhất do Dragon Capital quản lý vừa công bố báo cáo hoạt động với nhiều điểm đáng chú ý.

Tại thời điểm cuối tháng 4/2021, quy mô VEIL đạt 2,22 tỷ USD, trong đó tỷ trọng tiền chỉ còn 0,71% (khoảng 16 triệu USD), mức thấp nhất từ đầu tháng 4 tới nay.

Về danh mục đầu tư, Hòa Phát (HPG) tiếp tục là cổ phiếu chiếm tỷ trọng lớn nhất của VEIL với tỷ trọng 13,72%. Trong khi đó, VPB đã vươn lên trở thành cổ phiếu lớn thứ 2 trong danh mục VEIL với tỷ trọng 9,89%. Trong tuần trước, tỷ trọng VPB trong danh mục quỹ chỉ là 8,56% là khoản đầu tư lớn thứ 5.

VPB thời gian gần đây đã có nhịp bứt phá mạnh mẽ sau thông tin bán 49% cổ phần FE Credit. Thị giá VPB hiện đã vượt 60.000 đồng/cp, mức cao nhất từ khi niêm yết tới nay.

MWG muốn có thêm 4.000 điểm bán điện thoại, laptop mới khi cộng sinh với các cửa hàng tạp hoá

Theo nguồn tin của chúng tôi, cuối tháng 4, tại TP Vũng Tàu, đại diện CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (mã: MWG) đã có buổi gặp gỡ với các chủ cửa hàng bán đồ điện máy, điện thoại nhỏ lẻ để bàn chuyện hợp tác trong thời gian tới.

Tại cuộc gặp, ông Đoàn Văn Hiếu Em, CEO chuỗi Thế Giới Di Động (TGDD) và Điện Máy Xanh (ĐMX) cho biết hiện Việt Nam có hơn 6.000 xóm, phường song hệ thống cửa hàng của MWG chỉ có trên 2.000 điểm bán.

"Còn khoảng 4.000 điểm bán tại những địa phương chúng tôi chưa xuất hiện. Thông qua các đại lý uỷ quyền chúng tôi muốn khai thác các khách hàng chưa xuất hiện đó", ông Hiếu Em chia sẻ.

Do đó, theo tiết lộ từ phía MWG, sắp tới công ty sẽ thực hiện một dự án chưa từng có tiền lệ - bắt tay với các cửa hàng nhỏ lẻ để phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.

Sacombank rao bán 5 khoản nợ giá khởi điểm gần 2.400 tỷ đồng, đảm bảo bằng 25 triệu cp Vũng Tàu Intourco

Ngày 7/5 tới đây, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank - Mã: STB) sẽ đấu giá 5 khoản nợ của các cá nhân và pháp nhân gồm Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Bất Động Sản Quang Vinh, Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Nam Đô Long, bà Liêng Thị Thảo, ông Liêng Thành Liêm và bà Đàm Kim Khụng.

Các khoản nợ này phát sinh từ năm 2011 đến 2013. Tính đến ngày 6/4, tổng nghĩa vụ của 5 khoản nợ là hơn 2.402 tỷ đồng; trong đó, vốn là 930 tỷ đồng, lãi tồn đọng hơn 1.472 tỷ đồng.

ĐHĐCĐ Sacombank: Mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 4.000 tỷ đồng, tăng 20%

Sáng 23/4, Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank - Mã: STB) tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 tại TP HCM.

Tại đại hội, Sacombank sẽ trình trình cổ đông kế hoạch mục tiêu tổng tài sản tăng 8% lên 533.300 tỷ đồng; nguồn vốn huy động đạt 485.500 tỷ, tăng 9%, trong đó, huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế dự kiến đạt 478.300 tỷ đồng, tăng 9%; dư nợ tín dụng đạt 372.000 tỷ, tăng 9%.

Sacombank cho hay, dựa trên cơ sở mức tăng trưởng tín dụng cho phép của NHNN và diễn biến tình hình kinh doanh trong năm 2021, HĐQT sẽ điều chỉnh lại mục tiêu tăng trưởng huy động và cho vay phù hợp.

Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt mức 4.000 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2020. Tỷ lệ nợ xấu với mục tiêu Sacombank đưa ra kiểm soát ở mức dưới 2%.

Về kế hoạch chia cổ tức năm 2021, ngân hàng tiếp tục thực hiện theo Đề án tái cơ cấu Sacombank sau sáp nhập đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 22/05/2017.

Năm 2021, Sacombank cũng có kế hoạch bổ sung vốn cho ngân hàng con tại Lào thêm 302 tỷ đồng.

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, Sacombank dự kiến dùng hơn 2,384 tỷ đồng để trích lập các quỹ. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế và trích các quỹ còn 1.874 tỷ đồng. Lợi nhuận hợp nhất giữ lại lũy kế gần 6.496 tỷ đồng

Eximbank đã mua lại trước hạn toàn bộ nợ xấu từ VAMC

Trong những năm gần đây, Eximbank đã nỗ lực không ngừng về công tác xử lý nợ xấu, đặc biệt chú trọng xử lý các khoản nợ xấu bán cho VAMC. Ngân hàng đã thực hiện đồng bộ các biện pháp để thu hồi nợ, tăng cường công tác xử lý tài sản của khách hàng có khoản nợ xấu. Từ đó, tạo ra nguồn lực cần thiết để Eximbank tất toán trước hạn toàn bộ khoản nợ đã bán cho VAMC.

Thực tế, trong khoảng thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt và thực hiện theo ủy quyền của VAMC, Eximbank đã xử lý thu hồi được nợ (gốc và lãi) bán VAMC số tiền 4.940 tỷ đồng; dự phòng trái phiếu VAMC đã trích lập 4.270 tỷ đồng.

Việc chủ động tất toán trước hạn trái phiếu đặc biệt VAMC là nỗ lực rất lớn của ngân hàng trong kế hoạch đề ra năm 2021. Tuy nhiên, để có đủ ngân sách thực hiện nhiệm vụ quan trọng này sẽ ảnh hưởng đến một phần kết quả hoạt động kinh doanh Quý I/2021 của Eximbank, làm lợi nhuận trước thuế Quý I của ngân hàng chỉ đạt 210 tỷ đồng (46% so với cùng kỳ năm 2020). Bên cạnh đó, do tác động tiêu cực của dịch Covid-19, một số kế hoạch thu từ hoạt động xử lý nợ không đạt như dự kiến.

Tuy có nhiều khó khăn trong công tác triển khai, nhưng kết quả đạt được tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính trong những năm tới, đồng thời tăng thêm tính chủ động trong việc xây dựng, điều chỉnh các phương án xử lý nợ để đạt hiệu quả tối ưu.

Ông Nghiêm Xuân Thành: Lợi nhuận của Vietcombank quý 1 đạt hơn 8.000 tỷ đồng, tăng 70% so với cùng kỳ

Tại đại hội cổ đông thường niên diễn ra ngày 23/4 của Vietcombank, ông Nghiêm Xuân Thành, chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng cho biết, trong năm 2021 ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận hợp nhất 11%, trong đó riêng ngân hàng mẹ là 25.000 tỷ.

Hết quý 1, lợi nhuận của ngân hàng, tính cả phí upfront bảo hiểm với FWD, đã đạt trên 8.000 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 70% so với cùng kỳ năm trước. Quý 1 ngân hàng tiếp

tục tăng trưởng tín dụng 3,7% với quy mô tín dụng cao nhất hệ thống. Với nền tảng này, năm nay chắc chắn Vietcombank sẽ đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận.

Như vậy con số mà chủ tịch Vietcombank thông báo tới cổ đông hôm nay cao hơn nhiều so với con số 7.000 tỷ đồng vị này ước tính hồi đầu tháng 4 khi trao đổi với truyền thông.

Về các năm tới, chủ tịch Vietcombank cho biết ngân hàng đã đưa ra mục tiêu chiến lược là lợi nhuận 2 tỷ USD vào năm 2025, trong đó mảng bán lẻ sẽ đóng góp 50%. Mặc dù dịch bệnh nhưng ngân hàng vẫn kiên định mục tiêu này.

Lợi nhuận trước thuế quý I của Petrolimex vượt 1.000 tỷ đồng khi giá dầu leo cao

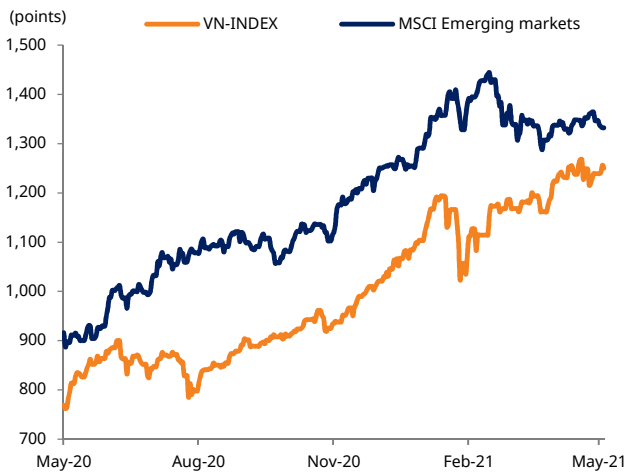
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, mã: PLX) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2021 với doanh thu thuần đạt 38.247 tỷ đồng, không nhiều thay đổi với cùng kỳ năm trước.

Trong kỳ, nhờ giá vốn hàng giảm mạnh hơn doanh thu nên lợi nhuận gộp của công ty gấp 7,5 lần cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp theo đó được cải thiện từ 1% lên 9%.

Cũng trong quý, Petrolimex đẩy mạnh hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp, số tiền chi ra hơn 2.603 tỷ đồng, tăng 20%.

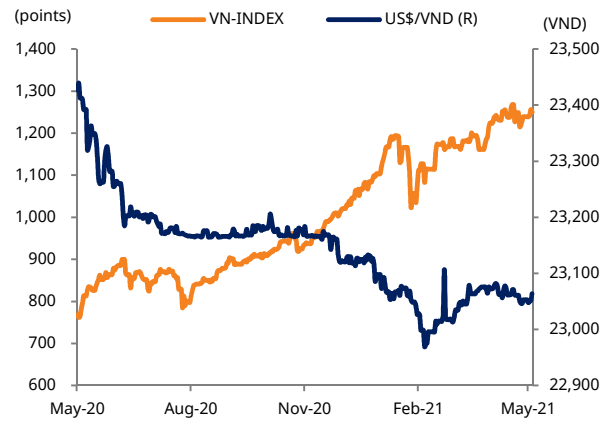
Kết thúc quý I, lợi nhuận trước thuế của công ty vượt 1.000 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ tới 1.703 tỷ đồng. Kết quả sau thuế chuyển từ lỗ 1.813 tỷ sang lãi sau thuế 736 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



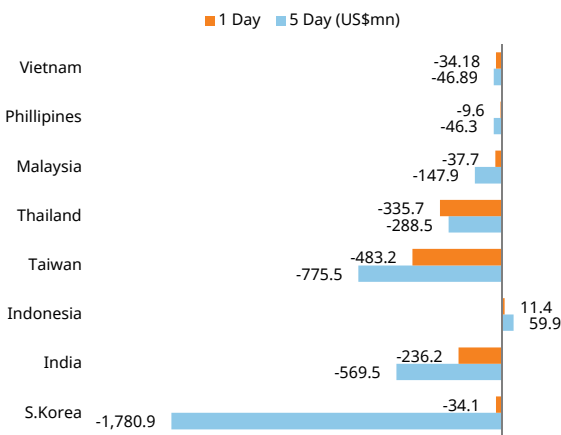
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



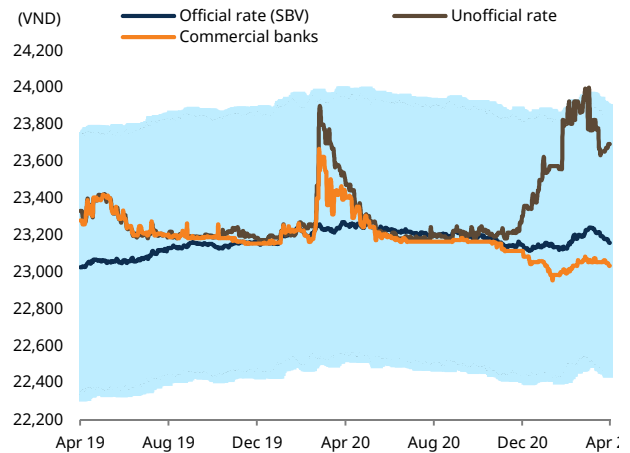
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



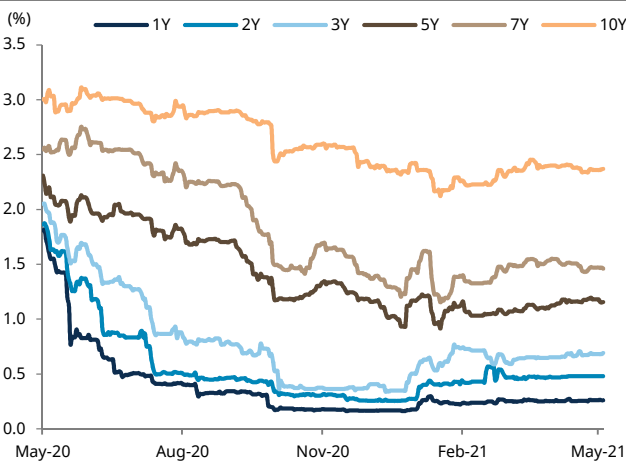
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



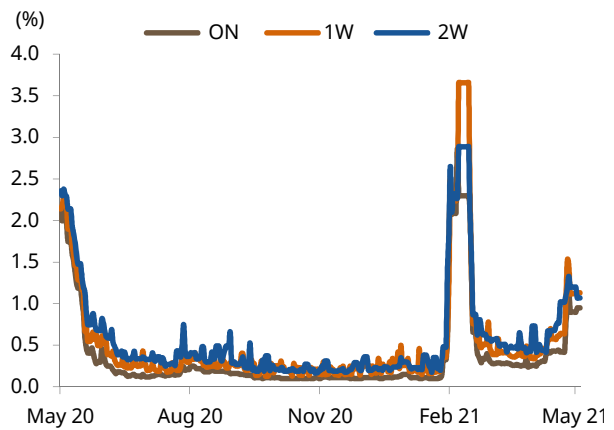
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,344.64	3,355,089		-0.2	4.7	7.1	85.2	14.1	11.7	2.5	2.2	6.5	21.3	20.1	19.9
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41,250	165,908	16.8	-1.6	2.2	-9.8	14.6	16.8	11.8	1.8	1.5	70.1	41.8	12.0	15.2
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	56,000	41,570	27.3	-0.5	-1.6	-9.1	20.4	24.2	20.4	2.0	1.8	11.5	18.2	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	42,900	159,734	26.0	-1.0	8.2	-0.2	112.4	9.1	8.3	1.6	1.4	28.4	10.0	19.5	19.0
CTCP FPT	FPT VN	82,700	65,260	49.0	-0.2	2.5	4.2	79.8	16.5	13.9	3.5	3.1	22.0	18.8	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	84,900	162,494	2.6	-0.7	4.2	-5.4	23.8	16.0	15.3	3.1	2.9	32.1	4.3	19.5	20.0
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	28,800	45,900	17.3	-0.9	7.5	4.3	122.1	8.4	7.1	1.7	1.5	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	59,400	196,809	30.3	0.2	5.5	20.2	221.1	9.6	8.4	2.5	2.2	61.7	13.8	29.2	26.0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,450	20,368	32.2	-0.3	5.5	17.8	82.3	16.7	12.6	2.3	2.0	6.2	31.8	15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	31,600	88,441	22.9	-0.3	6.8	0.6	129.9	8.5	7.1	1.6	1.3	25.6	19.9	19.8	20.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	95,600	112,300	32.8	-0.4	-2.4	4.0	64.8	40.8	24.8	5.9	4.7	122.1	64.8	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	142,000	67,511	50.0	0.8	0.1	6.5	74.9	13.5	10.8	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	135,700	145,838	8.2	2.0	11.7	56.3	159.0	34.0	26.3	4.4	3.7	0.5	29.2	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	71,800	34,950	2.9	-0.7	-0.6	18.3	304.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,800	63,186	16.1	-0.2	4.5	-9.0	21.1	19.0	15.3	2.7	2.6	289.7	24.1	16.6	17.4
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	96,000	21,827	49.0	-1.0	0.0	7.9	69.9	17.5	13.7	3.7	3.1	27.3	27.6	22.7	23.9
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,300	28,805	3.5	-3.1	1.7	-8.6	23.6	13.6	11.4	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,100	17,029	49.0	4.4	8.0	3.4	81.3	9.6	8.1	1.3	1.5	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,850	12,251	8.3	-0.5	-2.0	-11.8	39.3	17.0	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	32,850	21,217	46.1	-2.2	3.3	-6.1	153.7	14.7	13.7	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	24,400	44,009	11.2	-1.2	5.6	7.3	167.0	16.8	10.1	1.5	1.3	16.3	66.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	47,100	165,081	22.5	2.5	19.2	11.6	168.4	11.0	9.4	1.9	1.6	21.6	16.9	18.4	18.0
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,700	8,500	11.0	0.9	4.4	-12.4	2.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,150	29,041	30.0	-1.7	3.9	0.0	91.6	7.1	5.4	1.4	1.1	16.8	30.4	23.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,300	368,292	23.4	-1.9	0.3	-2.6	46.9	17.2	14.0	3.1	2.7	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	98,700	324,675	22.5	-0.9	-1.3	-2.9	47.3	10.6	8.8	2.8	2.2	11.9	20.4	31.2	28.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	132,500	448,172	14.6	-0.9	0.3	4.3	39.5	82.6	52.6	4.8	4.4	-5.2	57.0	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	122,000	66,077	19.1	-2.0	-4.1	-8.3	8.8	59.1	20.9	3.9	3.1	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	89,600	187,260	55.4	-2.6	-6.4	-11.7	5.9	17.4	15.9	5.5	5.0	7.8	9.5	34.5	34.9
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	61,800	151,703	22.7	2.0	16.2	33.0	196.4	12.5	10.5	2.4	1.9	15.3	19.1	20.6	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,200	70,896	30.3	-1.3	2.0	-10.9	24.8	24.9	19.9	2.3	2.0	19.6	24.9	9.3	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-5.86	4,710,761	-0.5	2.5	0.9	59.8	15.4	12.5	2.5	2.2	12.4	22.8	18.2	18.6
Ô tô và phụ tùng	-0.01	8,227	-0.2	0.9	-2.0	36.3	5.8	5.5	1.1	1.0	33.6	6.3	11.5	11.1
Ngân hàng	-0.89	1,497,197	-0.2	3.4	4.1	83.3	12.3	9.9	2.1	1.7	29.4	22.6	18.3	18.8
Xây dựng cơ bản	0.19	177,083	0.4	0.6	-0.4	83.0	5.5	4.0	0.4	0.4	5.9	34.5	5.3	5.6
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,379	-0.4	-2.3	-6.2	22.6	6.2	4.9	NA	NA	31.9	26.2	11.1	13.0
May mặc và trang sức	0.00	42,909	0.0	-1.5	2.7	190.1	14.0	11.5	2.8	2.3	32.0	23.4	19.5	18.9
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	8,647	-1.1	-1.4	-9.5	34.8	11.4	3.9	NA	NA	NA	NA	3.5	9.1
Dịch vụ tài chính	-0.19	59,882	-1.2	1.0	-5.5	144.6	10.3	4.9	0.3	NA	9.7	7.1	9.7	4.6
Năng lượng	-0.05	80,013	-0.2	1.5	-8.9	35.0	18.6	14.2	2.3	2.2	NA	29.8	14.3	15.1
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-2.22	495,833	-1.6	-3.4	-7.0	27.2	21.3	15.7	4.4	3.8	45.0	25.9	22.2	23.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	878	-0.2	-2.6	-8.3	49.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,866	0.0	-0.2	-1.9	1.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.06	48,381	-0.5	-1.8	-7.6	19.7	21.5	18.2	1.7	1.6	11.5	18.0	7.5	8.7
Nguyên vật liệu	0.13	422,849	0.1	1.3	8.3	163.6	12.0	11.6	1.9	1.2	44.2	3.5	19.3	17.4
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,769	-1.9	-4.8	-13.9	-23.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.00	35,480	-1.9	-3.7	5.3	96.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-1.48	1,223,897	0.0	1.3	1.1	22.9	9.5	8.4	1.8	1.6	14.4	11.0	9.8	9.9
Bán lẻ	0.07	76,000	-0.5	0.7	6.9	67.8	39.3	26.4	3.3	2.8	25.0	30.3	14.2	14.8
Phần mềm và dịch vụ	-0.04	69,340	0.4	0.5	6.1	71.6	12.6	10.0	3.0	2.6	35.3	24.8	25.1	25.3
Thiết bị và phần cứng	0.00	5,048	-0.2	2.1	3.5	77.4	15.5	13.0	3.3	2.9	26.1	18.7	23.0	24.3
Dịch vụ viễn thông	-0.02	1,095	0.2	5.3	-5.9	336.4	12.9	10.7	3.4	2.7	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-0.52	163,146	-6.9	-6.9	-4.5	228.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.61	248,295	-1.2	-2.1	-8.9	24.4	26.2	10.3	4.4	3.6	NA	67.9	-18.2	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
TCB VN	47,100	2.5	26,766,000	1.1
VIB VN	58,500	6.4	2,135,700	1.0
VPB VN	61,800	2.0	28,868,100	0.8
NVL VN	135,700	2.0	1,356,100	0.8
SSB VN	27,350	3.4	1,078,900	0.3
REE VN	55,100	4.4	1,560,900	0.2
HSG VN	34,900	4.2	18,711,800	0.2
MWG VN	142,000	0.8	923,300	0.1
TCM VN	106,900	5.4	285,500	0.1
HPG VN	59,400	0.2	21,609,700	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	99,300	-1.9	1,161,200	-1.9
VNM VN	89,600	-2.6	7,448,600	-1.3
VIC VN	132,500	-0.9	1,064,200	-1.1
VHM VN	98,700	-0.9	2,793,600	-0.8
SAB VN	156,000	-2.7	362,700	-0.8
BID VN	41,250	-1.6	2,246,100	-0.7
CTG VN	42,900	-1.0	19,927,200	-0.4
VJC VN	122,000	-2.0	426,600	-0.4
GAS VN	84,900	-0.7	911,300	-0.3
ACB VN	34,800	-1.4	7,783,800	-0.3

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.